TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **441**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-**7**-2018
V/v "*Ly hôn*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Triết
- Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Chót
2. Ông Dương Văn Hai
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1556/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Trúc L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp B N, xã BPN, huyện CG, tỉnh TG (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Hồ Anh T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số 58/4, ấp TT, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L trình bày:

Chị và anh Hồ Anh T cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BPN, huyện CG, tỉnh TG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/10/2005, trong thời gian sống chung có 01 người con chung tên Hồ Thị Phương T1, sinh ngày 07/02/2007. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh T có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác nên tình cảm vợ chồng xãy ra mâu thuẫn và ngày càng rạn nứt, hiện nay đã ly thân từ năm 2015, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại phiên tòa chị yêu cầu về hôn nhân được ly hôn với anh Hồ Anh T. Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Thị Phương T1, sinh ngày

07/02/2007 (hiện nay con chung đang sống chung với chị) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Anh T vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 26/3/2018, trong quá trình tố tụng anh Hồ Anh T trình bày:

Anh thống nhất với chị Lê Thị Trúc L về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung, nguyên nhân mất hạnh phúc và quá trình ly thân nhưng nay anh vẫn còn thương chị L nên anh không đồng ý ly hôn với chị L, anh muốn sống chung với chị L vì hiện nay anh không còn quan hệ tình cảm với người đàn bà khác như chị L trình bày. Về con chung: nếu có ly hôn thì anh đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Thị Phương T1, sinh ngày 07/02/2007 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng nhưng đối với bị đơn chưa nghiêm túc thực hiện hiện đầy đủ quyền của mình, tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Trúc L được ly hôn với anh Hồ Anh T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Về con chung: chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Thị Phương T1, sinh ngày 07/02/2007 (theo nguyện vọng của cháu Phương T1) và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung: không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Hồ Anh T, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thụ tục tố tụng: Bị đơn anh Hồ Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Do đó căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Chị Lê Thị Trúc L và anh Hồ Anh T cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BPN, huyện CG, tỉnh TG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/10/2005 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân từ năm 2015, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xác định chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Lê Thị Trúc L được ly hôn với anh Hồ Anh T.

[4] Xét về con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Hồ Thị Phương T1, sinh ngày 07/02/2007 (theo nguyện vọng của cháu Phương T1) hiện đang sống chung với chị L và anh T cũng đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương T1 nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hồ Thị Phương T1 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: hai bên trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét nên được chấp nhận.

[7] Chị Lê Thị Trúc L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trúc L. Chị Lê Thị Trúc L được ly hôn với anh Hồ Anh T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về con chung: Chị Lê Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng Hồ Thị Phương T1, sinh ngày 07/02/2007 (theo nguyện vọng của cháu Phương T1). Anh Hồ Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không có yêu cầu.

Anh Hồ Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Trúc L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0016161 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí chị L đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã BPN, huyện CG, tỉnh TG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết